

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VN
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 693/2018/HSPT
Ngày 12 tháng 12 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VN**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Yên

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Văn

Ông Nguyễn Đức Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2018 tại trụ sở, Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 257/2018/TLPT-HS ngày 22 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Thị Th, Nguyễn Hữu Tr do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Th, Nguyễn Hữu Tr, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Th1 kháng cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2018/HS-ST ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Bị cáo có kháng cáo:

1/ Nguyễn Thị Th, sinh năm 1960 tại tỉnh Sóc Trăng.

Nơi đăng ký thường trú: 137 ấp BĐ, xã XĐ, huyện XL, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở hiện nay: 137 ấp BĐ, xã XĐ, huyện XL, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: VN; con ông: Nguyễn Văn Th, (đã chết) và Nguyễn Thị L, (đã chết); có chồng: Nguyễn Hữu Tr; sinh năm 1958 (Hiện đang là bị cáo trong vụ án Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản); có 05 con; lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1994;

Nhân thân: Tại Bản án số 381/2016/HSPT ngày 12/8/2016 của Tòa án nhân

dân cấp cao tại TP. HCM tuyên giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 50/2015/HSST ngày 12/6/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tuyên phạt bị cáo Nguyễn Thị Th 15 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Hiện bị cáo Th đang thi hành án tại trại tạm giam B5 - Công an Đồng Nai, về tội “Trộm cắp tài sản”, tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt, tạm giam ngày 22/01/2014.

2/ **Nguyễn Hữu Tr**, sinh năm 1958 tại tỉnh Bình Định.

Nơi đăng ký thường trú: 137 ấp BĐ, xã XD, huyện XL, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở hiện nay: 137, ấp BĐ, xã XD, huyện XL, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: VN; con ông: Nguyễn Văn Q (đã chết) và bà: Phạm Thị L1 (đã chết); có vợ: Nguyễn Thị Th, sinh năm 1960; có 05 con; lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giam ngày 09/9/2014. Hiện đang bị tạm giam tại trại giam B5 - Công an Đồng Nai.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Th và Nguyễn Hữu Tr có:*

Luật sư Nguyễn Hồng V – Văn phòng Luật sư NPBD. (có mặt)

Địa chỉ: 463A Quốc lộ 13, tổ 13, khu phố 2, phường MP, thị xã BC, tỉnh Bình Dương

Luật sư Nguyễn Thanh T, Công ty Luật hợp danh MV (có mặt)

Địa chỉ: F257 VTS, phường TN, Thành phố BH, Đồng Nai.

- *Nguyên đơn dân sự:* Công ty Cổ phần tập đoàn I

Địa chỉ: 61 NVG, phường DK, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: ông Đỗ Hà N, sinh năm 1956 – Tổng giám đốc. (xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 86 CL, phường 2, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1973 – Trợ lý pháp chế. (có mặt)

Địa chỉ: 61 NVG, phường DK, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Lê Văn Q1 – Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu VN (vắng mặt)

Địa chỉ: Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11+16, Tòa nhà Vincom Center, số 72 LTT & 45A LTT, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc H – Cán bộ xử lý tranh chấp. (có mặt)

2/ Bà Đỗ Thị Th1, sinh năm 1952 (có mặt)

Địa chỉ: Số 17, ấp TN, xã XT, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Th1: Luật sư Chu Văn H – Văn phòng Luật sư CL, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Địa chỉ: 35 TTC, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Người làm chứng:*

1/ Bà Phan Hồng H2, sinh năm 1970 (xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 1/25 ĐTD, phường 1, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông Nguyễn Đình N1, sinh năm 1972 – Giám đốc Công ty Cổ phần I XL. (có mặt)

Địa chỉ: 672A/44 HTP, khu phố 3, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Bà Nguyễn Thị Minh T1, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: 22/8 TQĐ, Khu phố 2, phường XA, thị xã LK, tỉnh Đồng Nai.

4/ Chị Nguyễn Thị Huyền Tr1, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: 137 ấp BD, xã XD, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

5/ Chị Nguyễn Thị Phương U, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: 137 ấp BD, xã XD, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Th là chủ Doanh nghiệp tư nhân TT Thành lập năm 1994, có trụ sở tại 137, Quốc lộ 1, ấp BD, xã XD, huyện XL với ngành nghề kinh doanh nông sản các loại, trong đó mặt hàng chủ yếu là cà phê, hồ tiêu, hạt điều thô. Quá trình kinh doanh Doanh nghiệp tư nhân TT là đơn vị đầu mối thu mua nông sản từ năm 1996 cho Công ty Cổ phần tập đoàn I, trụ sở chính tại, số 61, NVG, P. ĐK, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh do ông Đỗ Hà N làm Tổng giám đốc.

Năm 2005, Nguyễn Hữu Tr (chồng của Nguyễn Thị Th) Thành lập cơ sở sản xuất, chế biến hạt điều TT tại ấp BH, xã XP, huyện XL, tỉnh Đồng Nai để thực hiện các hợp đồng gia công, chế biến hạt điều cho Công ty cổ phần tập đoàn I. (Bút lục: 2663)

Đến năm 2010 Nguyễn Thị Th và ông Đỗ Hà N - Tổng giám đốc Công ty cổ phần tập đoàn I thỏa thuận sẽ mở rộng sản xuất xây dựng thêm nhà xưởng trên đất của vợ chồng Nguyễn Thị Th giữa các thửa số 393 và thửa số 19, tờ bản đồ số 5 thuộc ấp BĐ, xã XD, huyện XL, tỉnh Đồng Nai. Sau khi xây dựng xong vợ chồng Nguyễn Thị Th sẽ bán lại cho Công ty cổ phần tập đoàn I.

Sau khi xây xong nhà xưởng các bên tiến hành Thành lập chi nhánh Công ty Cổ phần tập đoàn I tại huyện XL. Ngày 26/5/2010 Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3602313809 cho Công ty cổ phần I LK, địa chỉ: ấp BĐ, xã XD, huyện XL, tỉnh Đồng Nai với vốn điều lệ 5.000.000.000 đồng.

Đến ngày 25/7/2010, do trụ sở đóng trên địa bàn huyện XL nên các bên đã đổi tên Công ty cổ phần I LK Thành Công ty Cổ phần I XL (Sau đây gọi tắt là Công ty I XL). Ngày 03/02/2012 vốn điều lệ được đăng ký tăng là 47.000.000.000đồng. Danh sách cổ đông sáng lập gồm: Ông Nguyễn Hữu Tr, giá trị cổ phần 1.450.000.000đ, tỷ lệ 3,09%; Ông Đỗ Hà N, đại diện Công ty Cổ phần tập đoàn I, giá trị cổ phần 31.550.000.000đ, tỷ lệ 67,13%; Ông Ngô Xuân N2, đại diện Công ty Cổ phần tập đoàn I, giá trị cổ phần 13.000.000.000đ, tỷ lệ 27,66%; bà , giá trị cổ phần 1.000.000.000đ, tỷ lệ 2,12%. Tuy nhiên, trên thực tế các cổ đông trên cũng chưa góp vốn.

Ngày 01/11/2010, ông Đỗ Hà N, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần I LK ký Quyết định số: 01/QĐ-INOX LK-Hội đồng quản trị về việc bổ nhiệm Nguyễn Hữu Tr giữ chức vụ Giám đốc Công ty cổ phần I XL.

Trong quá trình kinh doanh, Nguyễn Thị Th và Nguyễn Hữu Tr đã dùng nhiều tài sản của mình gồm: đất đai, nhà xưởng, hạt điều... để thế chấp vay vốn của các Ngân hàng HDBank, Techcombank, Eximbank... tại TP Hồ Chí Minh để làm nguồn vốn đầu tư thu mua hàng nông sản cho Doanh nghiệp tư nhân TT.

Do giá hạt điều trên thế giới giai đoạn từ đầu năm 2011 biến động nhiều theo hướng tăng giá và sau đó giá hạt điều sụt giảm mạnh, dẫn đến từ tháng 07/2011, Doanh nghiệp tư nhân TT rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán cho các khoản nợ của các ngân hàng gồm: Techcombank – Chi nhánh Gia Định; HDBank - Chi nhánh Cộng Hòa; Eximbank - Chi nhánh Tân Định, Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu tổng hợp 1HN , nợ thuế và nợ các hộ dân đã bán hạt điều nguyên liệu cho Doanh nghiệp tư nhân TT.

Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2011 đến đầu năm 2012, do mất khả năng

thực hiện các hợp đồng kinh tế về mua bán nông sản được ký kết giữa Công ty Cổ phần tập đoàn I và Nguyễn Thị Th, nên Nguyễn Thị Th và Nguyễn Hữu Tr đã lợi dụng sự tín nhiệm của Công ty Cổ phần tập đoàn I để chiếm đoạt tiền ứng mua hàng nông sản, bằng hình thức ký các hợp đồng với Công ty Cổ phần tập đoàn I và chiếm đoạt hàng hóa là hạt điều thô của Công ty Cổ phần tập đoàn I gửi tại kho Doanh nghiệp tư nhân TT và Cơ sở chế biến hạt điều TT để tích trữ và gia công Thành hạt điều nhân xô. Hành vi phạm tội cụ thể như sau:

Đối với hành vi chiếm đoạt 34.341.040.000 đồng của bị cáo Th và bị cáo Tr được thực hiện như sau: Nguyễn Thị Th là chủ DNTN TT đã ký trên 100 hợp đồng mua bán điều, cà phê với công ty cổ phần tập đoàn I, các hợp đồng này 2 bên đã thực hiện xong. Còn lại 16 hợp đồng chưa thực hiện, bị cáo Th khai đã dùng toàn bộ số tiền ứng của 16 hợp đồng trên để thu mua hạt điều, nhưng do giá hạt điều thế giới giảm mạnh nên Công ty Cổ phần tập đoàn I trì hoãn nhận hàng, không hướng dẫn giao hàng. Do vậy, phía Công ty cổ phần tập đoàn I vi phạm hợp đồng nên số tiền đã ứng xem như là tiền cọc và mất cọc.

Tuy nhiên, căn cứ vào biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2011 thể hiện: Từ ngày 04/7/2011 đến ngày 21/9/2011, Nguyễn Thị Th và ông Đỗ Hà N - Tổng giám đốc Công ty Cổ phần tập đoàn I đã ký 09 hợp đồng mua bán hạt điều, Công ty Cổ phần tập đoàn I đã ứng cho Th 19.104.000.000 đồng để thu mua hạt điều nhưng Th không thực hiện hợp đồng, không có hàng để giao mà chiếm đoạt số tiền trên, các hợp đồng này đã hết hiệu lực ngày 30/12/2011. Tại thời điểm này, bị cáo đã biết tình hình Doanh nghiệp của bị cáo về tài chính gặp rất nhiều khó khăn, đang cần tháo gỡ và do muốn chiếm đoạt tiền và tạo lòng tin đối với Công ty Cổ phần tập đoàn I, bị cáo Th và bị cáo Tr đã dùng thủ đoạn gian dối ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng 02 thửa đất số 393 và 19, tờ bản đồ số 5, ấp BĐ, xã XD, huyện XL cho Công ty cổ phần tập đoàn I (Công ty cổ phần I XL do Nguyễn Hữu Tr làm đại diện ký hợp đồng nên Tr là người chịu trách nhiệm kiểm tra bản chính của hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên) đã được Văn phòng công chứng ThT tại huyện XL ký chứng thực để cản trở vào số tiền Th đã ứng của Công ty Cổ phần tập đoàn I. Sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng hai thửa đất nêu trên, Tr và Th thông báo cho ông Đỗ Hà N là Tổng giám đốc Công ty cổ phần tập đoàn I biết và gửi bản chính của hợp đồng chuyển nhượng này cho Công ty cổ phần tập đoàn I theo đường văn thư, nhưng thực chất 02 thửa đất này vào năm 2010 Th và Tr đã thế chấp cho Ngân hàng Eximbank - Chi nhánh Tân Định, TP. Hồ Chí Minh chưa được giải chấp và Ngân hàng Eximbank - Chi nhánh Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn đang quản lý 02 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Do không biết vợ chồng Th đã thế chấp 02

thửa đất 393 và 19 cho Ngân hàng Eximbank - Chi nhánh Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh và vợ chồng Th cũng không có bất cứ thông báo nào cho Công ty cổ phần tập đoàn I về tình trạng pháp lý của hai thửa đất này và do tin tưởng Th và Tr chuyển nhượng 02 thửa đất trên cho Công ty Cổ phần I XL là hợp pháp, nên từ ngày 01/12/2011 đến ngày 17/01/2012 ông Đỗ Hà N đại diện Công ty Cổ phần tập đoàn I tiếp tục ký kết với Nguyễn Thị Th thêm 07 hợp đồng kinh tế để Th thu mua hạt điều, cà phê và ứng tiếp cho Th tổng số tiền 15.588.000.000 đồng, Th chỉ thực hiện được một phần của hợp đồng cuối cùng và đã giao cho Công ty Cổ phần tập đoàn I 8.000 kg cà phê, trị giá 330.960.000 đồng, toàn bộ số tiền còn lại Nguyễn Thị Th chiếm đoạt hết. Đến cuối năm 2011, đầu năm 2012, dưới sức ép của Công ty cổ phần tập đoàn I buộc Th phải giao bản chính 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì Th và Tr mới thừa nhận hai thửa đất trên đã bị Th và Tr đem thế chấp cho Ngân hàng Eximbank – Chi nhánh Tân Định, TP. Hồ Chí Minh. Do đó, xét lời khai của Th như trên là không có căn cứ mà qua các tài liệu, chứng cứ được thu thập có tại hồ sơ, có đủ căn cứ kết luận Nguyễn Thị Th và Nguyễn Hữu Tr đã lợi dụng sự tín nhiệm để chiếm đoạt tổng cộng 34.341.040.000 đồng tiền ứng các hợp đồng của Công ty Cổ phần tập đoàn I như đã viện dẫn ở trên.

Hành vi chiếm đoạt 2.000 tấn hạt điều:

Từ ngày 27/7/2011 đến ngày 08/8/2011 Nguyễn Thị Th và ông Đỗ Hà N - Tổng giám đốc Công ty Cổ phần tập đoàn I đã ký 04 hợp đồng thu mua hạt điều với số lượng 2.000 tấn. Công ty Cổ phần tập đoàn I đã gửi toàn bộ 2.000 tấn hạt điều, trị giá 80.295.600.000 đồng này cho Th giữ hộ tại kho Doanh nghiệp tư nhân TT nhưng sau đó, Th đã đem toàn bộ 2.000 tấn hạt điều trên của Công ty Cổ phần tập đoàn I mang bán hết.

Đối với hành vi chiếm đoạt 999,117 tấn hạt điều:

Trong các ngày 23/9/2011 và 17/10/2011 Công ty Cổ phần tập đoàn I nhập về hai đợt điều thô và giao cho Nguyễn Hữu Tr tổng cộng 999,117 tấn hạt điều, trị giá 26.402.577.714 đ để Tr thực hiện hợp đồng gia công bóc tách điều thô Thành điều nhân. Sau đó Nguyễn Hữu Tr đã giao lại số điều cho Nguyễn Thị Th quản lý nhưng Th đã mang bán hết để chiếm đoạt.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2018/HS-ST ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Th, Nguyễn Hữu Tr phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Điểm a, Khoản 4, Điều 175, Điểm g, Khoản 1, Điều 52, Điểm v khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Khoản 3, Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015, Luật số 12/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Th 18 năm tù. Tổng hợp hình phạt 15 năm tù tại Bản án hình sự phúc thẩm số 381/2016/HSPT ngày 12/8/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Buộc bị cáo Th phải chấp hành hình phạt chung của 2 bản án là 30 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/01/2014.

Áp dụng Điểm a, Khoản 4, Điều 175, Điểm g, Khoản 1, Điều 52, điểm b, s, khoản 1, Điều 51, khoản 1, Điều 54, Điều 58, Khoản 3, Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015, Luật số 12/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Tr 09 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/09/2014.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 20/4/2018 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Th1 có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh không chấp nhận kiến nghị của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc xử lý hình sự đối với bà Th1.

Ngày 19/4/2018, bị cáo Nguyễn Hữu Tr có đơn kháng cáo xin Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xem xét vai trò, trách nhiệm và hình phạt của bị cáo Tr trong vụ án.

Ngày 20/4/2018 bị cáo Nguyễn Thị Th có đơn kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đồng thời giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 17/2018/HS-ST ngày 09/04/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về hình thức đơn kháng cáo của các bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, trong hạn luật định nên chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

1. Bị cáo Nguyễn Thị Th bị tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 18 (mười tám) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, bị cáo kháng cáo kêu oan.

2. Bị cáo Nguyễn Hữu Tr bị tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 09 (chín) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, bị cáo kháng cáo kêu oan. Tại phiên tòa, bị cáo rút kháng cáo.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Th1 kháng cáo kiến nghị xử lý của cấp sơ thẩm.

[1] Nội dung vụ án:

Đối với hành vi chiếm đoạt 34.341.040.000 đồng của bị cáo Th và bị cáo Tr được thực hiện như sau: Nguyễn Thị Th là chủ DNTN TT đã ký trên 100 hợp đồng mua bán điều, cà phê với Công ty cổ phần tập đoàn I, các hợp đồng này 2 bên đã thực hiện xong. Còn lại 16 hợp đồng chưa thực hiện, bị cáo Th khai đã dùng toàn bộ số tiền ứng của 16 hợp đồng trên để thu mua hạt điều, nhưng do giá hạt điều thế giới giảm mạnh nên Công ty Cổ phần tập đoàn I trì hoãn nhận hàng, không hướng dẫn giao hàng. Do vậy, phía Công ty cổ phần tập đoàn I vi phạm hợp đồng nên số tiền đã ứng xem như là tiền cọc và mất cọc.

Tuy nhiên, căn cứ vào biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2011 thể hiện: Từ ngày 04/7/2011 đến ngày 21/9/2011, Nguyễn Thị Th và ông Đỗ Hà N - Tổng giám đốc Công ty Cổ phần tập đoàn I đã ký 09 hợp đồng mua bán hạt điều, Công ty Cổ phần tập đoàn I đã ứng cho Th 19.104.000.000 đồng để thu mua hạt điều nhưng Th không thực hiện hợp đồng, không có hàng để giao mà chiếm đoạt số tiền trên, các hợp đồng này đã hết hiệu lực ngày 30/12/2011. Tại thời điểm này, bị cáo đã biết tình hình Doanh nghiệp của bị cáo về tài chính gặp rất nhiều khó khăn, đang cần tháo gỡ và do muốn chiếm đoạt tiền và tạo lòng tin đối với Công ty Cổ phần tập đoàn I, bị cáo Th và bị cáo Tr đã dùng thủ đoạn gian dối ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng 02 thửa đất số 393 và 19, tờ bản đồ số 5, ấp BĐ, xã XĐ, huyện XL cho Công ty cổ phần tập đoàn I (Công ty cổ phần I XL do Nguyễn Hữu Tr làm đại diện ký hợp đồng nên Tr là người chịu trách nhiệm kiểm tra bản chính của hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên) đã được Văn phòng công chứng ThT tại huyện XL ký chứng thực để cản trừ vào số tiền Th đã ứng của Công ty Cổ phần tập đoàn I. Sau khi ký hợp

đồng chuyển nhượng hai thửa đất nêu trên, Tr và Th thông báo cho ông Đỗ Hà N là Tổng giám đốc Công ty cổ phần tập đoàn I biết và gửi bản chính của hợp đồng chuyển nhượng này cho Công ty cổ phần tập đoàn I theo đường văn thư, nhưng thực chất 02 thửa đất này vào năm 2010 Th và Tr đã thế chấp cho Ngân hàng Eximbank - Chi nhánh Tân Định, TP. Hồ Chí Minh chưa được giải chấp và Ngân hàng Eximbank - Chi nhánh Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn đang quản lý 02 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Do không biết vợ chồng Th đã thế chấp 02 thửa đất 393 và 19 cho Ngân hàng Eximbank - Chi nhánh Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh và vợ chồng Th cũng không có bất cứ thông báo nào cho Công ty cổ phần tập đoàn I về tình trạng pháp lý của hai thửa đất này và do tin tưởng Th và Tr chuyển nhượng 02 thửa đất trên cho Công ty Cổ phần I XL là hợp pháp, nên từ ngày 01/12/2011 đến ngày 17/01/2012 ông Đỗ Hà N đại diện Công ty Cổ phần tập đoàn I tiếp tục ký kết với Nguyễn Thị Th thêm 07 hợp đồng kinh tế để Th thu mua hạt điều, cà phê và ứng tiếp cho Th tổng số tiền 15.588.000.000 đồng, Th chỉ thực hiện được một phần của hợp đồng cuối cùng và đã giao cho Công ty Cổ phần tập đoàn I 8.000 kg cà phê, trị giá 330.960.000 đồng, toàn bộ số tiền còn lại Nguyễn Thị Th chiếm đoạt hết. Đến cuối năm 2011, đầu năm 2012, dưới sức ép của Công ty cổ phần tập đoàn I buộc Th phải giao bản chính 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì Th và Tr mới thừa nhận hai thửa đất trên đã bị Th và Tr đem thế chấp cho Ngân hàng Eximbank – Chi nhánh Tân Định, TP. Hồ Chí Minh. Do đó, xét lời khai của Th như trên là không có căn cứ mà qua các tài liệu, chứng cứ được thu thập có tại hồ sơ, có đủ căn cứ kết luận Nguyễn Thị Th và Nguyễn Hữu Tr đã lợi dụng sự tín nhiệm để chiếm đoạt tổng cộng 34.341.040.000 đồng tiền ứng các hợp đồng của Công ty Cổ phần tập đoàn I như đã viện dẫn ở trên.

Hành vi chiếm đoạt 2.000 tấn hạt điều:

Từ ngày 27/7/2011 đến ngày 08/8/2011 Nguyễn Thị Th và ông Đỗ Hà N - Tổng giám đốc Công ty Cổ phần tập đoàn I đã ký 04 hợp đồng thu mua hạt điều với số lượng 2.000 tấn. Công ty Cổ phần tập đoàn I đã gửi toàn bộ 2.000 tấn hạt điều, trị giá 80.295.600.000 đồng này cho Th giữ hộ tại kho Doanh nghiệp tư nhân TT nhưng sau đó, Th đã đem toàn bộ 2.000 tấn hạt điều trên của Công ty Cổ phần tập đoàn I mang bán hết.

Đối với hành vi chiếm đoạt 999,117 tấn hạt điều:

Trong các ngày 23/9/2011 và 17/10/2011 Công ty Cổ phần tập đoàn I nhập về hai đợt điều thô và giao cho Nguyễn Hữu Tr tổng cộng 999,117 tấn hạt điều, trị giá 26.402.577.714 đ để Tr thực hiện hợp đồng gia công bóc tách điều thô Thành điều

nhân. Sau đó Nguyễn Hữu Tr đã giao lại sổ điều cho Nguyễn Thị Th quản lý nhưng Th đã mang bán hết để chiếm đoạt.

Như vậy, thông qua các hợp đồng thu mua hạt điều, cà phê giữa Nguyễn Thị Th với Công ty Cổ phần tập đoàn I, việc Công ty Cổ phần tập đoàn I gửi hạt điều vào kho của Nguyễn Thị Th, hợp đồng gia công bóc tách hạt điều giữa Công ty Cổ phần tập đoàn I với Nguyễn Hữu Tr, Nguyễn Thị Th đã lợi dụng sự tín nhiệm để chiếm đoạt tổng cộng **141.059.217.714 đồng** của Công ty Cổ phần tập đoàn I. Trong đó, Nguyễn Hữu Tr đã giúp sức cho Th chiếm đoạt 60.743.617.714 đồng gồm 34.341.040.000 đồng tiền ứng từ các hợp đồng thu mua hạt điều, cà phê và 26.402.577.714 đồng giá trị của 999,117 tấn hạt điều mà Tr nhận gia công cho Công ty Cổ phần tập đoàn I. Do đó, hành vi của hai bị cáo Nguyễn Thị Th và Nguyễn Hữu Tr đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; tội phạm và hình phạt được quy định tại Điểm a, Khoản 4, Điều 140 của Bộ luật Hình năm 1999 mà cấp sơ thẩm đã xét xử là đúng người đúng tội, không làm oan các bị cáo. Cho nên cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Th. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo xin rút kháng cáo, nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Tr

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Th1 kháng cáo đề nghị hủy bỏ phần kiến nghị xử lý của bản án sơ thẩm đối với bà.

Hội đồng xét xử xét thấy bà Th1 với tư cách là công chứng viên đã nhiều lần công chứng cho doanh nghiệp Thành Tr. Tuy nhiên, trong vụ án này khi thực hiện việc công chứng hợp đồng mua bán đất giữa Công ty Cổ phần tập đoàn I với Nguyễn Thị Th và Nguyễn Hữu Tr bà Th1 hoàn toàn không biết bản thân mình bị lừa dối khi chưa có bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ký công chứng. Do đó, đây là lỗi do vi phạm trong quá trình tác nghiệp và hành vi này chỉ bị xử lý theo Nghị định 110/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính Phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Tại điểm đ khoản 3 Điều 14 Nghị định 110/2013 quy định: Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi công chứng như sau: *“đ) Công chứng hợp đồng, giao dịch trong trường hợp không có căn cứ xác định quyền sử dụng, sở hữu riêng đối với tài sản khi tham gia giao dịch”*. Như vậy, hành vi của bà Th1 đã vi phạm điểm đ khoản 3 Điều 14 Nghị định 110/2013. Do đó hành vi này chỉ bị xử lý vi phạm hành chính là thỏa đáng mà chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự. Do đó, chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Thị Th1.

[2] Nhận định của Hội đồng xét xử: Tội danh mà cấp sơ thẩm đã tuyên đối với

bị cáo Th và bị cáo Tr là đúng người đúng tội, không làm oan bị cáo. Hình phạt mà hai bị cáo phải gánh chịu là tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo bị cáo Th. Riêng bị cáo Tr có đơn xin rút kháng cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo.

Đối với yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là kê biên 14 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang đứng tên Nguyễn Hữu Tr và Nguyễn Thị Th tọa lạc tại huyện XL tỉnh Đồng Nai của công ty cổ phần tập đoàn I (nguyên đơn dân sự).

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn phù hợp quy định tại Điều 128 và Điều 113 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và để đảm bảo việc thi hành án nên chấp nhận đơn yêu cầu kê biên của nguyên đơn dân sự, sửa phần dân sự trong bản án hình sự sơ thẩm số 17/2018/HS-ST ngày 09/4/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Tại phiên tòa ngày hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát cấp cao đề nghị giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 17/2018/HSST ngày 09/04/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai không phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Do kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Th1 không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 357, điểm b khoản 1 Điều 361 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Th.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn Hữu Tr.

Chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Th1.

Sửa nội dung phần dân sự của bản án hình sự sơ thẩm số 17/2018/HSST ngày 09/04/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Th, Nguyễn Hữu Tr phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng **điểm a khoản 4, Điều 175**, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm 5 khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015; Luật số 12/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Th 18 (mười tám) năm tù. Tổng hợp hình phạt 15 năm tù tại bản án hình sự phúc thẩm số 381/2016/HSPT ngày 12/8/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ chí Minh. Buộc bị cáo Th phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 30 (ba mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/01/2014.

Áp dụng **điểm a khoản 4, Điều 175**, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 58, khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015; Luật số 12/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Tr 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/09/2014

Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 2015 và Điều 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Th và Nguyễn Hữu Tr phải liên đới trả lại số tiền đã chiếm đoạt của công ty cổ phần tập đoàn I số tiền 140.219.277.449 đồng.

Nguyễn Thị Th phải nộp: 109.843.808.857 đồng

Nguyễn Hữu Tr phải nộp bồi thường tiếp số tiền: 30.271.808.857 đồng

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm

Bị cáo Th phải nộp 217.843.809 đồng, bị cáo Tr phải nộp 138.271.809 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Áp dụng Điều 128 và Điều 113 Bộ luật tố tụng hình sự 2015

Kê biên 14 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Hữu Tr và Nguyễn Thị Th, cụ thể:

1/ Quyền sử dụng đất diện tích 1784m² thuộc thửa số 11 tờ bản đồ số 5 tại ấp BD, xã XD, huyện XL, tỉnh Đồng Nai. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG537083 do UBND huyện XL cấp ngày 21/7/2011 cho ông Nguyễn Hữu Tr và bà Nguyễn Thị Th.

2/ Quyền sử dụng đất diện tích 5906m² thuộc thửa số 17 tờ bản đồ số 5 tại ấp BĐ, xã XD, huyện XL, tỉnh Đồng Nai. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG537082 do UBND huyện XL cấp ngày 21/7/2011 cho ông Nguyễn Hữu Tr và bà Nguyễn Thị Th.

3/ Quyền sử dụng đất diện tích 6679m² thuộc thửa số 297 tờ bản đồ số 2 tại ấp BĐ, xã XD, huyện XL, tỉnh Đồng Nai. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG537093 do UBND huyện XL cấp ngày 26/7/2011 cho ông Nguyễn Hữu Tr và bà Nguyễn Thị Th.

4/ Quyền sử dụng đất diện tích 1920m² thuộc thửa số 319 tờ bản đồ số 2 tại ấp BĐ, xã XD, huyện XL, tỉnh Đồng Nai. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG537062 do UBND huyện XL cấp ngày 21/7/2011 cho ông Nguyễn Hữu Tr và bà Nguyễn Thị Th.

5/ Quyền sử dụng đất diện tích 1045m² thuộc thửa số 321 tờ bản đồ số 2 tại ấp BĐ, xã XD, huyện XL, tỉnh Đồng Nai. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG537057 do UBND huyện XL cấp ngày 21/7/2011 cho ông Nguyễn Hữu Tr và bà Nguyễn Thị Th.

6/ Quyền sử dụng đất diện tích 4511m² thuộc thửa số 324 tờ bản đồ số 2 tại ấp BĐ, xã XD, huyện XL, tỉnh Đồng Nai. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG537094 do UBND huyện XL cấp ngày 26/7/2011 cho ông Nguyễn Hữu Tr và bà Nguyễn Thị Th.

7/ Quyền sử dụng đất diện tích 4671m² thuộc thửa số 326 tờ bản đồ số 2 tại ấp BĐ, xã XD, huyện XL, tỉnh Đồng Nai. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG537066 do UBND huyện XL cấp ngày 21/7/2011 cho ông Nguyễn Hữu Tr và bà Nguyễn Thị Th.

8/ Quyền sử dụng đất diện tích 5142m² thuộc thửa số 327 tờ bản đồ số 2 tại ấp BĐ, xã XD, huyện XL, tỉnh Đồng Nai. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG537061 do UBND huyện XL cấp ngày 21/7/2011 cho ông Nguyễn Hữu Tr và bà Nguyễn Thị Th.

9/ Quyền sử dụng đất diện tích 6610m² thuộc thửa số 328 tờ bản đồ số 2 tại ấp BĐ, xã XD, huyện XL, tỉnh Đồng Nai. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG537060 do UBND huyện XL cấp ngày 21/7/2011 cho ông Nguyễn Hữu Tr và bà Nguyễn Thị Th.

10/ Quyền sử dụng đất diện tích 2360m² thuộc thửa số 392 tờ bản đồ số 2 tại ấp BĐ, xã XD, huyện XL, tỉnh Đồng Nai. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG537092 do UBND huyện XL cấp ngày 26/7/2011 cho ông Nguyễn Hữu Tr và bà Nguyễn Thị Th.

11/ Quyền sử dụng đất diện tích 1115m² thuộc thửa số 394 tờ bản đồ số 2 tại ấp BĐ, xã XD, huyện XL, tỉnh Đồng Nai. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG537063 do UBND huyện XL cấp ngày 21/7/2011 cho ông Nguyễn Hữu Tr và bà Nguyễn Thị Th.

12/ Quyền sử dụng đất diện tích 1048m² thuộc thửa số 395 tờ bản đồ số 2 tại ấp BĐ, xã XD, huyện XL, tỉnh Đồng Nai. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG537084 do UBND huyện XL cấp ngày 21/7/2011 cho ông Nguyễn Hữu Tr và bà Nguyễn Thị Th.

13/ Quyền sử dụng đất diện tích 1128m² thuộc thửa số 396 tờ bản đồ số 2 tại ấp BĐ, xã XD, huyện XL, tỉnh Đồng Nai. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG537064 do UBND huyện XL cấp ngày 21/7/2011 cho ông Nguyễn Hữu Tr và bà Nguyễn Thị Th.

14/ Quyền sử dụng đất diện tích 2396m² thuộc thửa số 506 tờ bản đồ số 2 tại ấp BĐ, xã XD, huyện XL, tỉnh Đồng Nai. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG537058 do

UBND huyện XL cấp ngày 26/7/2011 cho ông Nguyễn Hữu Tr và bà Nguyễn Thị Th.

Bị cáo Th phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 12 tháng 12 năm 2018).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Công an tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai (để tổng đạt cho bị cáo);
- Bị hại;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Văn Yên